

16/11/11



Kế T. Phươn

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 25672
	Giờ: Ngày 1 tháng 9 năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DIC
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

Khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 01 năm 2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 05 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường, đường dây và trạm biến thế, công trình hạ tầng khu công nghiệp, đô thị;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ xây dựng;
- Mua bán hàng nông sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ;
- Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khai thác vận chuyển đất, cát để san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và đường thủy
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng trang trí nội thất, ngói màu (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, chế biến gỗ, sản phẩm gỗ (không chế biến tại trụ sở);
- Mua bán gỗ rừng trồng hoặc nhập khẩu;
- Gia công cơ khí, sản phẩm cơ khí (không gia công tại trụ sở);
- Mua bán, thi công và lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ;
- Đầu tư phát triển khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao

Trụ sở của công ty đặt tại số 13 – 13 Bis Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Công ty có các công ty con sau :

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
A. Các Công ty con được hợp nhất trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010		
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại DIC Đà Nẵng	Khu công nghiệp Hòa Khánh – Thành phố Đà Nẵng	90%
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại DIC Đà Lạt	Khu công nghiệp Phú Hội – Huyện Đức Trọng – Tỉnh Lâm Đồng	90%
B. Công ty con không được hợp nhất trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 do Công ty đang thương thảo hợp đồng để bán cho đối tác		
Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Đà Nẵng	Khu công nghiệp Hòa Khánh – Thành phố Đà Nẵng	100%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong 6 tháng đầu năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Hải	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên
Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên
Bà Vũ Thị Hoa	Thành viên
Ông Dương Đình Thái	Thành viên
Ông Lê Thái Sâm	Thành viên

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong 6 tháng đầu năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Hải	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Đình Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát trong 6 tháng đầu năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Khuất Tùng Phong	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17/04/2010
Bà Đinh Thị Hiền	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 17/04/2010
Bà Nguyễn Thị Hưng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Trâm Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/04/2010
Ông Lê Thành Hưng	Thành viên	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2010



Số : 253/BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC được lập ngày 16/08/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Phó Giám đốc**



Cao Thị Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14.. tháng 08 năm 2010

Kiểm toán viên

Nguyễn Minh Tiến
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		358.612.879.308	303.206.668.158
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.640.107.501	22.882.878.507
1. Tiền	111		33.640.107.501	22.882.878.507
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		190.305.171.534	152.242.777.960
1. Phải thu khách hàng	131		92.334.720.672	82.547.957.293
2. Trả trước cho người bán	132		73.576.814.137	36.791.944.717
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	24.393.636.725	32.902.875.950
IV. Hàng tồn kho	140		108.924.384.902	111.542.182.287
1. Hàng tồn kho	141	V.3	108.924.384.902	111.542.182.287
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.743.215.371	16.538.829.404
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.988.468.583	788.227.802
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.992.245.273	5.754.955.971
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		41.905.356	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	18.720.596.159	9.995.645.631
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.624.753.011	104.553.732.332
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		29.715.518.400	29.871.666.091
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	29.715.518.400	29.871.666.091
- Nguyên giá	222		48.202.206.311	45.824.203.769
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.486.687.911)	(15.952.537.678)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6	82.294.434.094	68.774.212.998
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.500.000.000	2.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		79.491.734.094	65.971.512.998
3. Đầu tư dài hạn khác	258		302.700.000	302.700.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.614.800.517	5.907.853.243
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.281.800.517	5.604.853.243
2. Tài sản dài hạn khác	268		333.000.000	303.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		472.237.632.319	407.760.400.490

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		295.482.882.289	279.858.428.698
I. Nợ ngắn hạn	310		295.224.178.085	279.594.954.494
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	219.725.068.968	230.189.149.971
2. Phải trả người bán	312		64.833.089.245	31.109.559.621
3. Người mua trả tiền trước	313		1.615.260.720	6.309.063.355
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	7.492.669.260	9.950.999.391
5. Phải trả người lao động	315		765.190.010	644.062.172
6. Chi phí phải trả	316		1.033.287.182	313.575.455
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	877.493.616	852.708.696
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1.117.880.916)	225.835.833
II. Nợ dài hạn	330		258.704.204	263.474.204
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		204.745.399	204.745.399
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		53.958.805	58.728.805
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		175.269.957.320	126.990.629.246
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	175.269.957.320	126.990.629.246
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	82.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.879.465.284	12.047.154.620
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.172.000.000	3.162.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.842.500)	(3.842.500)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.248.166.078	9.248.166.078
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.058.068.887	3.058.068.887
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.916.099.571	17.479.082.161
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.484.792.710	911.342.546
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		472.237.632.319	407.760.400.490

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Kiệt

Lê Thị Thúy Nga

Nguyễn Đức Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	474.193.184.692	269.704.280.564
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.946.049.187	2.792.674.037
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	469.247.135.505	266.911.606.527
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	431.156.576.840	248.716.167.539
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.090.558.665	18.195.438.988
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	103.816.775	67.354.647
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	13.908.576.121	4.755.185.675
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.200.099.966	2.089.052.190
8. Chi phí bán hàng	24		4.154.708.737	1.453.114.019
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.040.940.347	7.345.171.725
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.090.150.235	4.709.322.216
11. Thu nhập khác	31		816.008.632	967.884
12. Chi phí khác	32		275.385.938	9.381.000
13. Lợi nhuận khác	40		540.622.694	(8.413.116)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		1.880.461.686	(641.467.034)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		11.511.234.615	4.059.442.066
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.7	1.308.066.795	426.651.842
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		10.203.167.820	3.632.790.224
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	71		69.243.454	93.171.988
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		10.133.924.366	3.539.618.236
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.8	1.114	513

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Anh Kiệt

Lê Thị Thúy Nga

Nguyễn Đức Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	471.261.864.174	268.705.691.498
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(445.240.007.469)	(232.779.103.751)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.866.005.843)	(6.543.519.871)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(13.061.570.850)	(2.089.052.190)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(500.423.258)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.737.395.882	9.292.815.109
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(32.856.285.483)	(30.060.388.257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(17.525.032.847)	6.526.442.538
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(194.472.065)	(819.885.971)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(676.788.058)	(4.767.770.428)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	84.716.303	52.836.059
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(786.543.820)	(5.534.820.340)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	51.832.310.664	27.841.887.320
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(3.842.500)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	287.965.917.093	159.960.969.096
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(298.429.998.096)	(180.633.811.078)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.299.424.000)	(6.812.560.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	29.068.805.661	352.642.838
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10.757.228.994	1.344.265.036
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.882.878.507	22.773.860.831
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	33.640.107.501	24.118.125.867

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Anh Kiệt

Lê Thị Thúy Nga

Nguyễn Đức Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 01 năm 2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 05 năm 2010.

Trụ sở của công ty đặt tại số 13 – 13 Bis Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Công ty có các công ty con sau :

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
-------------	---------	------------------------

A. Các Công ty con được hợp nhất trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại DIC Đà Nẵng	Khu công nghiệp Hòa Khánh – Thành phố Đà Nẵng	90%
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại DIC Đà Lạt	Khu công nghiệp Phú Hội – Huyện Đức Trọng – Tỉnh Lâm Đồng	90%

B. Công ty con không được hợp nhất trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 do Công ty đang thương thảo hợp đồng để bán cho đối tác

Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Đà Nẵng	Khu công nghiệp Hòa Khánh – Thành phố Đà Nẵng	100%
--	---	------

Trụ sở của công ty đặt tại số 13 – 13 Bis Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường, đường dây và trạm biến thế, công trình hạ tầng khu công nghiệp, đô thị;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ xây dựng;
- Mua bán hàng nông sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ;
- Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khai thác vận chuyển đất, cát để san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và đường thủy
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Sản xuất vật liệu xây dựng trang trí nội thất, ngói màu (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, chế biến gỗ, sản phẩm gỗ (không chế biến tại trụ sở);
- Mua bán gỗ rừng trồng hoặc nhập khẩu;
- Gia công cơ khí, sản phẩm cơ khí (không gia công tại trụ sở);
- Mua bán, thi công và lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ;
- Đầu tư phát triển khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Công ty liên doanh là đơn vị có các hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược.

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty liên doanh và các Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất : các số dư trong nội bộ Công ty, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại đơn vị được đầu tư.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Tài sản cố định khác	05 – 20 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông. Cổ tức có thể được ứng trước cho cổ đông, nhưng chỉ được chi phần còn lại khi đã được Đại hội cổ đông phê duyệt trong Đại hội cổ đông thường niên hàng năm.

Các khoản dự phòng, các quỹ quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Điều lệ được thông qua Đại hội cổ đông khi có đề nghị của Hội đồng quản trị.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	2.243.356.131	3.878.558.424
Tiền gửi ngân hàng	31.396.751.370	19.004.320.083
Cộng	33.640.107.501	22.882.878.507

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu Công ty CP Thương mại Vận tải Minh Phong	9.900.000.000	9.900.000.000
Phải thu Công ty TNHH Phát triển Hùng Vương	172.733.333	12.172.733.333
Phải thu Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Yên Khánh (*)	13.470.790.894	10.095.940.000
Các khoản phải thu khác	850.112.498	734.202.617
Cộng	24.393.636.725	32.902.875.950

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(*) Công ty và Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Yên Khánh ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 15/HĐHTKD ngày 26/01/2007 thành lập Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hướng Việt để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng và kinh doanh địa ốc văn phòng cho thuê tại số 112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ đăng ký của Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hướng Việt theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006863 ngày 28/05/2007 là 30.000.000.000 đồng, Công ty sở hữu 55% vốn điều lệ. Đến ngày 30/06/2010, Công ty đã tiến hành góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hướng Việt là 10.095.940.000 đồng thông qua việc ứng trước vốn cho Công ty TNHH sản xuất – thương mại – dịch vụ Yên Khánh để thực hiện dự án của Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hướng Việt. Ngoài ra Công ty TNHH sản xuất – thương mại – dịch vụ Yên Khánh phải trả lãi cho số tiền ứng trước này theo biên bản thỏa thuận là 3.374.850.894 đồng. Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hướng Việt vẫn chưa đi vào hoạt động thương mại.

3. Hàng tồn kho

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.534.784.766	2.134.327.553
Công cụ dụng cụ	118.517.099	99.732.781
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.432.838.754	3.654.709.318
Thành phẩm	2.806.179.052	698.250.493
Hàng hóa	99.032.065.231	104.955.162.142
Cộng giá gốc hàng tồn kho	108.924.384.902	111.542.182.287
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	108.924.384.902	111.542.182.287

4. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	2.903.312.854	3.232.723.801
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	15.817.283.305	6.762.921.830
- Ký quỹ mở L/C ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)	14.376.323.523	3.481.173.827
- Ký quỹ mở L/C ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	676.389.155	3.267.177.376
- Ký quỹ mở L/C ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)	750.000.000	-
- Các khoản ký quỹ khác	14.570.627	14.570.627
Cộng	18.720.596.159	9.995.645.631

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.982.792.644	24.033.775.734	9.659.878.704	780.487.707	367.268.980	45.824.203.769
Số tăng trong kỳ	653.125.455	2.447.783.116	-	32.105.273	-	3.133.013.844
Số giảm trong kỳ	-	748.011.302	-	-	7.000.000	755.011.302
Số dư cuối kỳ	11.635.918.099	25.733.547.548	9.659.878.704	812.592.980	360.268.980	48.202.206.311
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.269.784.671	7.028.822.719	5.102.228.930	419.712.196	131.989.162	15.952.537.678
Số tăng trong kỳ	819.483.305	1.854.365.797	556.081.734	61.611.291	32.462.722	3.324.004.849
Số giảm trong kỳ	-	789.854.616	-	-	-	789.854.616
Số dư cuối kỳ	4.089.267.976	8.093.333.900	5.658.310.664	481.323.487	164.451.884	18.486.687.911
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	7.713.007.973	17.004.953.015	4.557.649.774	360.775.511	235.279.818	29.871.666.091
Tại ngày cuối kỳ	7.546.650.123	17.640.213.648	4.001.568.040	331.269.493	195.817.096	29.715.518.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	79.491.734.094	65.971.512.998
Đầu tư dài hạn khác (Đầu tư mua 30.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Minh Hưng)	302.700.000	302.700.000
Cộng	82.294.434.094	68.774.212.998

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết bao gồm:

Tên Công ty	30/06/2010		01/01/2010	
	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị (VND)	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị (VND)
Đầu tư vào công ty con		2.500.000.000		2.500.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Đà Nẵng (a)	100%	2.500.000.000	100%	2.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết		79.491.734.094		65.971.512.998
Công ty CP Thương mại Vận tải Minh Phong	49%	10.991.734.094	49%	9.471.512.998
Công ty CP Xi măng Hữu Nghị 2 (b)	49%	68.500.000.000	49%	56.500.000.000

(a) Công ty đang tiến hành bán toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH Một thành viên bao bì Đà Nẵng theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 66A-009/BBHĐQT-DIC INTRANCO ngày 26/03/2009.

(b) Nhà máy xi măng của Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2 đang trong quá trình đầu tư và thực hiện chậm hơn so với kế hoạch. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/11/2009 giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển Hùng Vương – đối tác để thành lập Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2 thì hai bên thống nhất tiếp tục thực hiện dự án và dự kiến Quý 4 năm 2010 sẽ hoàn thành giai đoạn 1 của dự án. Trong số vốn đã góp vào Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2 có 2.172.000.000 đồng là vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty. Công ty đã ghi nhận khoản vốn góp này là nguồn vốn khác của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lãi vay Công ty CP Đầu tư Thương mại Hường Việt	-	3.374.850.894
Lãi vay Công ty CP Xi măng Hữu Nghị	913.833.333	1.713.833.333
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	125.533.365	171.326.743
Chi phí sửa chữa văn phòng	242.433.819	344.842.273
Cộng	1.281.800.517	5.604.853.243

8. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	219.725.068.968	230.189.149.971
Nợ ngắn hạn	-	-
Cộng	219.725.068.968	230.189.149.971

Hợp đồng vay số	Bên cho vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc		Phương thức đảm bảo
			USD	VND	
1344/10/TD/ 1.15	Ngân hàng TMCP An Bình	12 tháng		122.228.309.341	Thế chấp
59/2009/150 6656	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	12 tháng	211.455,81	3.793.728.687	Thế chấp
VNH 100694	Ngân hàng TNHH MTV HSBC	3 tháng		36.653.799.397	Thế chấp
09/10K/HĐ HMTD/TCB -HCM	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	12 tháng		57.049.231.543	Thế chấp

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.566.314.916	6.360.942.054
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.537.471.208
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.906.754.100	2.041.938.638
Các loại thuế khác	19.600.244	10.647.491
Cộng	7.492.669.260	9.950.999.391

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	190.916.157	224.956.814
Bảo hiểm xã hội	131.632.001	-
Bảo hiểm y tế	22.908.926	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6.547.242	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	525.489.290	627.751.882
Cộng	877.493.616	852.708.696

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	55.999.550.000	10.209.559.800	3.982.000.000	-	7.147.586.533	2.310.860.251	15.783.987.475
Tăng trong năm trước	26.000.450.000	7.253.556.320					
Lợi nhuận tăng năm trước							18.227.117.415
Mua cổ phiếu quỹ				(3.842.500)			
Quỹ đầu tư phát triển					2.100.579.545	747.208.636	(2.100.579.545)
Quỹ dự phòng tài chính							(747.208.636)
Quỹ khen thưởng phúc lợi							(1.680.463.636)
Phát hành cổ phiếu thường		(5.415.961.500)					(4.738.968.500)
Chia cổ tức							(6.769.955.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát							(231.500.000)
Giảm trong năm trước			(820.000.000)				(263.347.412)
Số dư đầu năm nay	82.000.000.000	12.047.154.620	3.162.000.000	(3.842.500)	9.248.166.078	3.058.068.887	17.479.082.161
Tăng trong kỳ	43.000.000.000	8.832.310.664					
Lợi nhuận tăng trong kỳ							10.133.924.366
Chia cổ tức							(12.299.424.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát							(91.500.000)
Giảm trong kỳ			(990.000.000)				(305.982.956)
Số dư cuối kỳ	125.000.000.000	20.879.465.284	2.172.000.000	(3.842.500)	9.248.166.078	3.058.068.887	14.916.099.571

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2010 VND	%	01/01/2010 VND	%
Tổng Công ty CP Đầu tư và Phát triển xây dựng	27.063.060.000	21,65	19.327.400.000	23,57
Cổ đông khác	97.936.940.000	78,35	62.672.600.000	76,43
Cộng	125.000.000.000	100	82.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	82.000.000.000	55.999.550.000
Vốn góp tăng trong năm	43.000.000.000	26.000.450.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	125.000.000.000	82.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	8.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	8.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	8.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	384	384
- Cổ phiếu phổ thông	384	384
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.499.616	8.199.616
- Cổ phiếu phổ thông	12.499.616	8.199.616

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	474.193.184.692	269.704.280.564
Trong đó:		
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	457.134.253.494	259.022.036.908
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.058.931.198	10.682.243.656
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	4.946.049.187	2.792.674.037
- Chiết khấu thương mại	4.946.049.187	2.792.674.037
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	469.247.135.505	266.911.606.527
- Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa	454.681.663.467	256.229.362.871
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	14.565.472.038	10.682.243.656
4. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa	420.960.023.690	240.169.988.069
- Giá vốn của dịch vụ	10.196.553.150	8.546.179.470
Cộng	431.156.576.840	248.716.167.539
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	103.816.775	67.354.647
Cộng	103.816.775	67.354.647
6. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
- Lãi tiền đi vay	13.200.099.966	2.089.052.190
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	708.476.155	2.666.133.485
Cộng	13.908.576.121	4.755.185.675

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty đang trong thời gian được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.308.066.795	426.651.842
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập hiện hành của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế hiện hành	1.308.066.795	426.651.842

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.133.924.366	3.539.618.236
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.133.924.366	3.539.618.236
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.099.949	6.899.785
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.114	513

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.048.392.885	11.644.770.471
Chi phí nhân công	7.686.081.491	6.375.232.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.324.004.849	3.185.149.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.669.317.352	5.119.080.688
Chi phí khác bằng tiền	7.170.754.804	3.277.037.207
Cộng	36.898.551.381	29.601.270.046

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 và số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán. Số liệu đã được trình bày lại cho phù hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và thay đổi một số chỉ tiêu so với báo cáo kiểm toán năm 2009 như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Số liệu tại ngày 31/12/2009	Số liệu tại ngày 31/12/2009 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Các khoản phải thu ngắn hạn	142.146.837.960	152.242.777.960	10.095.940.000
- Các khoản phải thu khác	22.806.935.950	32.902.875.950	10.095.940.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	78.870.152.998	68.774.212.998	(10.095.940.000)
- Đầu tư vào công ty con	12.595.940.000	2.500.000.000	(10.095.940.000)
Nợ ngắn hạn	279.369.118.661	279.594.954.494	225.835.833
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	225.835.833	225.835.833
Vốn chủ sở hữu	127.216.465.079	126.990.629.246	(225.835.833)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	225.835.833		(225.835.833)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Anh Kiệt

Lê Thị Thúy Nga

Nguyễn Đức Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2010